

Số: 437/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 03 tháng 02 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình:
Các công trình quy mô nhỏ phòng chống thiên tai Cụm II - Hợp phần 3
Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tỉnh Thanh Hóa
(Dự án quản lý thiên tai WB5).**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng của Chính phủ;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn: số 1370/QĐ-BNN-HTQT ngày 11/6/2012 về việc phê duyệt dự án đầu tư “Quản lý thiên tai” (VN-Haz) do WB tài trợ; số 1071/QĐ-BNN-TCCB ngày 13/5/2013 giao nhiệm vụ Quản lý và tổ chức thực hiện Dự án Quản lý thiên tai do Ngân hàng Thế giới tài trợ (WB5); số 2256/QĐ-BNN-TCTL ngày 03/10/2013 phê duyệt nội dung thực hiện Giai đoạn I Hợp phần 3 “Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” và Kế hoạch đấu thầu phần công việc do Ban Quản lý Trung ương các dự án Thủy lợi quản lý thực hiện, Dự án Quản lý thiên tai (VN-Haz/WB5) do Ngân hàng Thế giới tài trợ; số 3211/QĐ-BNN-TCTL ngày 18/7/2014 phê duyệt Sổ tay hướng dẫn thực hiện Hợp phần 3 “Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” – Dự án Quản lý thiên tai (VN-Haz) do Ngân hàng Thế giới tài trợ; số 921/QĐ-BNN-TCTL ngày 23/3/2015 phê duyệt điều chỉnh quy định trong “Sổ tay hướng dẫn thực hiện Hợp phần 3: Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” Dự án Quản lý thiên tai (WB5);

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 511/SXD-HĐXD ngày 29/01/2016 (kèm theo hồ sơ); đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 244/TTr-SNN&PTNT ngày 19/11/2015 về việc thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật - đầu tư xây dựng các công trình quy mô nhỏ phòng chống thiên tai Cụm II - Hợp phần 3 Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tỉnh Thanh Hóa (Dự án quản lý thiên tai WB5).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các công trình quy mô nhỏ phòng chống thiên tai Cụm II - Hợp phần 3 Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tỉnh Thanh Hóa (Dự án quản lý thiên tai WB5), với những nội dung chính sau:

1. Tên công trình: Các công trình quy mô nhỏ phòng chống thiên tai Cụm II - Hợp phần 3 Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tỉnh Thanh Hóa (Dự án quản lý thiên tai WB5), bao gồm:

- Nhà tránh trú cộng đồng xã Yên Tâm, huyện Yên Định.
- Nhà tránh trú cộng đồng xã Yên Giang, huyện Yên Định.
- Nhà tránh trú cộng đồng xã Yên Thịnh, huyện Yên Định.
- Nhà tránh trú cộng đồng xã Xuân Vinh, huyện Thọ Xuân.
- Nhà tránh trú cộng đồng xã Thiệu Thành, huyện Thiệu Hóa.

2. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và PTNT.

3. Mục tiêu đầu tư:

- **Mục tiêu dài hạn:** Hỗ trợ thực hiện chiến lược phòng chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 của Chính phủ thông qua việc tăng cường khả năng tự phòng ngừa, ứng phó và phục hồi, giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do thiên tai của một số tỉnh duyên hải miền Trung trong vùng dự án tỉnh Thanh Hóa, đảm bảo phát triển bền vững, góp phần ổn định xã hội;

- **Mục tiêu ngắn hạn:** Tăng cường năng lực của các cơ quan quản lý rủi ro thiên tai quốc gia của tỉnh và của địa phương để cải thiện việc lập kế hoạch và giảm thiểu các rủi ro, qua đó giảm tổn thất về người, giảm hư hỏng về tài sản và giảm sự gián đoạn của các hoạt động kinh tế; cải thiện hệ thống dự báo thời tiết và cảnh báo sớm nhằm tăng cường năng lực cho các đơn vị dự báo khí tượng thủy văn trực thuộc Trung tâm khí tượng thủy văn quốc gia thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, giúp thu thập, xử lý và phổ biến thông tin, tạo điều kiện cho mọi người dân có thể ứng phó kịp thời và hiệu quả hơn, nhằm giảm nhẹ các thiệt hại do thiên tai và thích ứng được các điều kiện thời tiết một cách tốt hơn; xây dựng năng lực cấp làng và xã để hỗ trợ thực hiện chương trình Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng; giảm các rủi ro do thiên tai ở các vùng ưu tiên cao, thông qua việc bố trí các biện pháp công trình hiệu quả, các đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở quy mô vừa và nhỏ; nâng cao năng lực quản lý và thực hiện dự án, quản lý môi trường, xã hội trong công tác quản lý thiên tai tổng hợp.

4. Nội dung, quy mô đầu tư và giải pháp kỹ thuật:

4.1. Hạng mục Nhà tránh trú cộng đồng xã Yên Tâm, huyện Yên Định.

a) Giải pháp kiến trúc:

- Công trình có quy mô 02 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 7,5x23,10m (tính từ tim đến tim trục), chiều cao tầng 1, 2 là 3,6m (tính từ sàn đến sàn), chiều cao mái là 2,1m. chiều cao công trình là 9,3m (tính từ cos nền nhà đến đỉnh mái), cos 0,00 (cos nền nhà) cao hơn cos sân hoàn thiện +0,45m.

- Mặt bằng tầng 1 gồm sảnh, phòng khám bệnh sơ cứu, phòng trực, phòng bán thuốc, phòng tiêm chủng, phòng truyền thống và thang bộ; mặt bằng tầng 2 gồm 02 phòng bệnh nhân, phòng trạm trưởng, phòng hành chính, phòng Đông y, khu vệ sinh chung và thang bộ.

- Giao thông đứng trong công trình gồm 01 thang bộ được giới hạn bởi trục (4-5)(C-D); giao thông ngang bằng hàng lang trước nhà rộng 1,8m.

- Tường xây gạch không nung, trát trong nhà VXM mác 50, trát trần, trát tường ngoài nhà, cột, dầm VXM mác 75; tường, trần lăn sơn trực tiếp; tường trong các phòng khám bệnh sơ cứu, phòng tiêm chủng, phòng bệnh nhân ố

gạch men kích thước 250x400 cao 1,6m; tường khu vệ sinh ốp gạch men kích thước 250x400 cao 1,6m.

- Nền, sàn các tầng lát gạch ceramic kích thước 400x400mm; nền khu vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước 400x400.

- Phần mái gồm các lớp cấu tạo: sàn BTCT đổ toàn khối, xây tường thu hồi dày 110 và gờ thép C100x50x18x2, lợp tôn chống nóng.

- Hệ thống cửa đi, cửa sổ sử dụng khuôn nhựa lõi thép, pano kính dày 6,38mm; hoa sắt cửa sổ thép vuông 12x12mm sơn chống gỉ; vách kính dùng khuôn nhôm.

b) Giải pháp kết cấu:

- Phần móng sử dụng giải pháp móng đơn BTCT đá 1x2 mác 200 kích thước điển hình 1,4x1,6m, 1,0x1,0m; dầm giằng móng BTCT đá 1x2 mác 200 đổ tại chỗ; móng xây đá hộc vữa xi măng mác 50#.

- Phần thân sử dụng hệ kết cấu nhà khung BTCT chịu lực; cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác 200 đổ tại chỗ; tiết diện dầm điển hình: 220x300mm; 220x450mm; tiết diện cột điển hình 220x300mm; 220x220mm; sàn BTCT điển hình dày 100mm; bản thang BTCT dày 120mm.

c) Giải pháp cấp điện, chống sét:

- Hệ thống điện được lấy từ nguồn điện hiện có của khu vực, kéo vào công trình bằng cáp loại Cu/XLPE/PVC (3x16+1x10)mm² đi ngầm trong ống HDPE D65; dây dẫn trong phòng dùng dây Cu/PVC (2x1,5)mm² và Cu/PVC 2(1x2,5) + E2,5mm²; hệ thống dây dẫn điện đi ngầm trong tường, trần và luồn trong ống nhựa.

- Hệ thống chống sét trên mái công trình sử dụng kim thu sét thép $\phi 16$ dài 1000mm, dây dẫn sét thép $\phi 10$; hệ cọc tiếp địa bằng thép hình L63x63x6mm dài 2,4m; chôn sâu cách mặt đất 0,8m; dây tiếp địa bằng thép dẹt 30x4mm.

d) Giải pháp thoát nước:

- Nước cấp cho công trình được lấy từ bể nước hiện có, sau đó bơm lên téc nước trên mái và cấp xuống thiết bị dùng nước tại các khu vệ sinh bằng ống PPR.

- Thoát nước thải từ xí, tiểu được thu vào hệ thống đường ống riêng qua bể tự hoại xử lý và thoát ra rãnh thoát nước chung; nước thải từ phễu sàn, lavabo được thu vào đường ống và thải trực tiếp ra rãnh thoát nước bên ngoài; ống thoát nước sử dụng ống nhựa PVC.

- Nước mưa trên mái được thu vào các ống đứng thoát nước PVC và thải ra rãnh thoát nước của công trình.

e) Hệ thống phòng cháy chữa cháy: Hệ thống phòng cháy chữa cháy cho hạng mục công trình được thiết kế bố trí gồm 03 bình PCCC được đặt trong các hộp đựng nhôm kính tại cầu thang các tầng; mỗi hộp PCCC bao gồm 2 bình bột chữa cháy xách tay MFZ4 và 1 bình chữa cháy xách tay bằng khí CO₂ MT3; ngoài ra trên tường của mỗi tầng còn bố trí 1 nội quy tiêu lệnh chữa cháy.

4.2. Hạng mục Nhà tránh trú cộng đồng xã Yên Giang.

a) Giải pháp kiến trúc:

- Công trình có quy mô 02 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 8,4x30,6m (tính từ tim đến tim trục), chiều cao tầng 1 là 3,9m (tính từ nền tầng 1 đến sàn tầng 2), chiều cao tầng 2 là 3,6m (tính từ sàn tầng 2 đến sàn mái), chiều cao mái 2,6m; chiều cao công trình là 10,1m (tính từ cos nền nhà đến đỉnh mái), cos 0,00 (cos nền nhà) cao hơn cos sân hoàn thiện +0,75m.

- Mặt bằng tầng 1 gồm sảnh, phòng hội đồng giáo dục, phòng y tế + kế toán, phòng Hiệu trưởng, phòng đa năng và thang bộ; mặt bằng tầng 2 gồm phòng đoàn đội, phòng hành chính, phòng tổ tự nhiên, phòng tổ xã hội, phòng Hiệu phó, phòng tin học và thang bộ.

- Giao thông đứng trong công trình gồm 01 thang bộ được giới hạn bởi trục (6-7, B-C), rộng 3m; giao thông ngang bằng hành lang trước nhà rộng 2,1m.

- Tường xây gạch không nung, trát trong nhà VXM mác 50, trát trần, trát tường ngoài nhà, cột, dầm VXM mác 75; tường, trần lăn sơn trực tiếp.

- Nền, sàn các tầng lát gạch ceramic kích thước 400x400mm; nền khu vực sảnh chính tầng 1 được trát bằng Granito.

- Phần mái mái gồm các lớp cấu tạo: lán vữa xi măng mác 75 đánh dốc về phía thu nước, sàn bê tông cốt thép đổ toàn khối, lớp vữa trát trần mác 75 dày 20mm, trần lăn sơn màu trắng.

- Hệ thống cửa đi, cửa sổ sử dụng khuôn sắt pano kính dày 6,38mm, hoa sắt cửa sổ thép vuông 12x12mm sơn chống gỉ.

b) Giải pháp kết cấu:

- Phần móng sử dụng giải pháp móng đơn BTCT đá 1x2 mác 200, móng đơn có kích thước 1,0mx1,0m; 1,4x1,6m và 1,0x2,2m; dầm giằng móng BTCT đá 1x2 mác 200 đổ tại chỗ; móng xây đá hộc vữa xi măng mác 50.

- Phần thân sử dụng hệ kết cấu nhà khung BTCT chịu lực; cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác 200 đổ tại chỗ; tiết diện dầm điển hình: 220x300mm; 220x550mm; tiết diện cột điển hình 220x300mm; 220x220mm; sàn BTCT điển hình dày 100mm; bản thang BTCT dày 120mm.

c) Giải pháp cấp điện, chống sét:

- Hệ thống điện được lấy từ nguồn điện hiện có của khu vực, kéo vào công trình bằng cáp loại Cu/XLPE/PVC (3x16+1x10)mm² đi ngầm trong ống HDPE D100/130; dây dẫn trong phòng dùng dây Cu/PVC 2x(1x1,5) và Cu/PVC 2x(1x2,5)mm²; hệ thống dây dẫn điện đi ngầm trong tường, trần và luồn trong ống nhựa.

- Hệ thống chống sét trên mái công trình sử dụng kim thu sét thép $\phi 16$ dài 1000mm, dây dẫn sét thép $\phi 10$; hệ cọc tiếp địa bằng thép hình L63x63x6mm dài 2,4m; chôn sâu cách mặt đất 1,0m; dây tiếp địa bằng thép dẹt 30x4mm.

d) Giải pháp thoát nước:

- Nước mưa trên mái được thu vào các ống đứng thoát nước U.PVC D90 và thải ra rãnh thoát nước quanh nhà.

- Hệ thống rãnh thoát nước chạy quanh nhà có tổng chiều dài 71m, hồ ga thu nước số lượng 04 cái, nước thải được chảy ra hệ thống thoát nước chung của khu vực bằng cống BTCT D300 có tổng chiều dài 82m.

e) Hệ thống phòng cháy chữa cháy: Hệ thống phòng cháy chữa cháy cho hạng mục công trình được thiết kế bố trí gồm 02 hộp PCCC được đặt ở gần vị trí cầu thang; mỗi hộp PCCC bao gồm 02 bình bột chữa cháy xách tay MFZ4 và 01 bình chữa cháy xách tay bằng khí MT3; ngoài ra trên tường của mỗi hộp còn bố trí 1 nội quy tiêu lệnh chữa cháy.

9.3. Hạng mục Nhà tránh trú cộng đồng xã Yên Thịnh, huyện Yên Định.

a) Giải pháp kiến trúc.

- Công trình có quy mô 2 tầng, mặt bằng hình chữ nhật có kích thước 25,2x8,1m (tính từ tim đến tim trục); chiều cao tầng 1,2 là 3,6m (tính từ sàn đến sàn), chiều cao mái 2,0m; chiều cao công trình là 9,2m (tính từ cos nền nhà đến đỉnh mái), cos 0,00 (cos nền nhà) cao hơn cos sân hoàn thiện +0,45m.

- Mặt bằng tầng 1 gồm phòng vi tính, phòng y tế, phòng hiệu phó, khu vệ sinh chia làm 2 phòng nam, nữ riêng biệt và thang bộ; mặt bằng tầng 2 gồm phòng họp, phòng hành chính, phòng hiệu trưởng, khu vệ sinh chia làm 2 phòng nam, nữ riêng biệt và thang bộ.

- Giao thông đứng bằng thang bộ được giới hạn bởi trục (4-5, B-C), rộng 3,6m; giao thông ngang bằng hành lang trước nhà rộng 2,1m.

- Tường xây gạch không nung VXM mác 50, trát tường trong nhà VXM mác 50, trát trần, gờ, phào, cạnh cửa, trát tường ngoài nhà VXM mác 75; tường lăn sơn trực tiếp; tường khu vệ sinh ốp gạch ceramic kích thước 250x400mm.

- Nền, sàn lát gạch ceramic kích thước 400x400mm; nền, sàn khu vệ sinh lát gạch ceramic chống trơn kích thước 400x400mm;

- Hệ thống cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa khuôn thép, panô kính dày 6,38mm; hoa sắt cửa sổ thép vuông 12x12.

- Phần mái gồm các lớp cấu tạo: sàn BTCT đổ toàn khối, xây tường thu hồi dày 110 và gờ thép C100x50x18x1,5mm, lợp tôn chống nóng.

b) Giải pháp kết cấu.

- Phần móng sử dụng giải pháp móng đơn BTCT đá 1x2 mác 200 kích thước điển hình 1,3x1,6m, 1,4x1,8m, 1,0x1,0m, 1,2x1,2m; dầm giằng, móng BTCT đá 1x2 mác 200 đổ tại chỗ; móng dưới tường xây đá hộc VXM mác 50.

- Phần thân sử dụng hệ kết cấu khung BTCT chịu lực; hệ cột dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác 200 đổ tại chỗ; tiết diện dầm điển hình 220x500mm, 220x350mm; tiết diện cột điển hình 220x300mm, 220x220mm; sàn BTCT dày 100mm; bản thang BTCT dày 120mm.

c) Giải pháp điện, chống sét.

- Nguồn điện cấp cho công trình được lấy từ mạng lưới điện của khu vực bằng cáp loại Cu/XLPE/PVC (2x16)mm²; dây dẫn trong phòng dùng dây Cu/PVC 2x(1x1.5)mm², (2x1x2.5)mm²; hệ thống dây dẫn điện luôn trong ống gen đi ngầm trong tường và trần.

- Hệ thống chống sét trên mái công trình sử dụng kim thu sét $\phi 16$ dài 1m, dây dẫn sét thép $\phi 10$; hệ cọc tiếp địa bằng thép hình L63x63x6mm dài 2,4m, chôn sâu cách mặt đất 0,8m, dây tiếp địa thép dẹt 30x4.

d) Giải pháp cấp, thoát nước.

- Nước cấp cho công trình được lấy từ téc nước hạng mục đã xây dựng, sau đó cấp xuống thiết bị dùng nước tại các khu vệ sinh bằng ống PPR.

- Thoát nước thải từ xí, tiểu được thu vào hệ thống đường ống riêng qua bể tự hoại xử lý và thoát ra rãnh thoát nước chung; nước thải từ phễu sàn, lavabo được thu vào đường ống và thải trực tiếp ra rãnh thoát nước bên ngoài; ống thoát nước sử dụng ống nhựa PVC.

- Nước mưa trên mái được thu vào các ống đứng thoát nước PVC và thải ra rãnh thoát nước của công trình.

e) Giải pháp phòng cháy chữa cháy. Hệ thống phòng cháy chữa cháy cho hạng mục công trình được thiết kế bố trí gồm 03 bình PCCC được đặt trong các hộp đựng nhôm kính tại cầu thang các tầng; mỗi hộp PCCC bao gồm 2 bình bột chữa cháy xách tay MFZ4 và 1 bình chữa cháy xách tay bằng khí CO₂ MT3; ngoài ra trên tường của mỗi tầng còn bố trí 1 nội quy tiêu lệnh chữa cháy.

9.4. Hạng mục Nhà tránh trú cộng đồng xã Xuân Vinh, huyện Thọ Xuân.

a) Giải pháp kiến trúc:

- Công trình có quy mô 01 tầng, mặt bằng hình chữ nhật có kích thước 25,2x18m (tính từ tim đến tim trục); chiều cao công trình là 8,16m (tính từ cos nền nhà đến đỉnh mái), cos 0,00 (cos nền nhà) cao hơn cos sân hoàn thiện +0,75m.

- Tường xây gạch không nung VXM mác 50, trát tường trong nhà VXM mác 50, trát trần, gờ, phào, cạnh cửa, trát tường ngoài nhà VXM mác 75; tường lăn sơn trực tiếp.

- Nền đổ bê tông đá 1x2 mác 200 dày 160mm làm phẳng mặt nền.

- Hệ thống cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa nhựa lõi thép gia cường, kính dày 6,38mm; vách kính khung nhựa lõi thép, kính dày 6,38mm; hoa sắt cửa sổ thép vuông 12x12mm.

- Phần mái có cấu tạo gồm xà gồ vì kèo thép hình, lợp tôn dày 0,4ly.

b) Giải pháp kết cấu.

- Phần móng sử dụng giải pháp móng đơn BTCT đá 1x2 mác 200 kích thước điển hình 1,6x2,0m, 1,6x2,4m, 1,4x1,8m; dầm giằng, móng BTCT đá 1x2 mác 200 đổ tại chỗ; móng dưới tường xây đá hộc VXM mác 50.

- Phần thân sử dụng hệ kết cấu khung BTCT chịu lực; hệ cột dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác 200 đổ tại chỗ; tiết diện dầm điển hình 220x400mm, 220x350mm; tiết diện cột điển hình 220x400mm, 220x220mm; sàn BTCT dày 100mm; vì kèo thép có nhịp 18m, có cấu tạo gồm thanh cánh thượng, thanh cánh hạ có tiết diện 2L80x6mm, thanh bụng có tiết diện L80x6.

c) Giải pháp điện, chống sét.

- Nguồn điện cấp cho công trình được lấy từ mạng lưới điện của khu vực bằng cáp loại Cu/XLPE/PVC (2x10)mm²; dây dẫn trong phòng dùng dây

Cu/PVC 2x(1x1.5)mm², (2x1x2.5)mm²; hệ thống dây dẫn điện luồn trong ống gen đi ngầm trong tường và trần.

- Hệ thống chống sét trên mái công trình sử dụng kim thu sét thép $\phi 16$ dài 1000mm, dây dẫn sét thép $\phi 10$; hệ cọc tiếp địa bằng thép hình L63x63x6mm dài 2,4m; chôn sâu cách mặt đất 0,8m; dây tiếp địa bằng thép dẹt 30x4mm.

d) Giải pháp thoát nước:

- Nước mưa trên mái được thu vào các ống đứng thoát nước PVC D110 và thải ra rãnh thoát nước quanh nhà.

- Hệ thống rãnh thoát nước chạy quanh nhà có tổng chiều dài 58m, hố ga thu nước số lượng 02 cái, nước thải được chảy ra hệ thống thoát nước chung của khu vực bằng cống BTCT D300 có tổng chiều dài 12m.

e) Hệ thống phòng cháy chữa cháy: Hệ thống phòng cháy chữa cháy cho hạng mục công trình được thiết kế bố trí gồm 02 hộp PCCC được đặt ở vị trí tường xây trục A; mỗi hộp PCCC bao gồm 02 bình bột chữa cháy xách tay MFZ4 và 01 bình chữa cháy xách tay bằng khí MT3; ngoài ra trên tường của hộp còn bố trí 1 nội quy tiêu lệnh chữa cháy.

9.5. Hạng mục Nhà tránh trú cộng đồng xã Thiệu Thành, huyện Thiệu Hóa.

a) Giải pháp kiến trúc:

- Công trình có quy mô 02 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 11,7x21,0m (tính từ tim đến tim cột), chiều cao tầng 1,2 là 3,6m (tính từ sàn đến sàn), chiều cao mái là 3,6m (tính từ sàn áp mái đến đỉnh mái); chiều cao công trình là 10,8m (tính từ cos nền nhà đến đỉnh mái), cos 0,00 (cos nền nhà) cao hơn cos sân hoàn thiện +0,45m.

- Mặt bằng tầng mỗi tầng được bố trí 02 phòng học, hiên chơi + ăn, 02 phòng kho, 02 khu vệ sinh nam nữ riêng biệt.

- Giao thông đứng trong công trình gồm 01 thang bộ được giới hạn bởi trục (3-4, B-C), rộng 3,0m.

- Tường xây gạch không nung, trát trong nhà VXM mác 50, trát trần, trát tường ngoài nhà, cột, dầm VXM mác 75; tường, trần lăn sơn trực tiếp; tường khu vệ sinh ốp gạch men kích thước 250x400 cao 2,5m, tường hiên chơi ốp gạch men kích thước 250x400 cao 1,2m.

- Nền, sàn các tầng lát gạch ceramic kích thước 400x400; nền, sàn khu vệ sinh lát gạch chống trơn kích thước 400x400.

- Phần mái (M3) gồm các lớp cấu tạo: sàn BTCT đổ toàn khối, lớp chống thấm, lớp bê tông lót mác 75; phần mái tum thang (M2) gồm các lớp cấu tạo: xà gồ thép hộp 80x40x2, lớp tôn chống nóng.

- Hệ thống cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa khuôn sắt panô kính dày 6,38mm; hoa sắt cửa sổ thép vuông 12x12.

b) Giải pháp kết cấu:

- Phần móng sử dụng giải pháp móng đơn kết hợp móng băng BTCT đá 1x2 mác 200 kích thước điển hình; móng xây đá hộc vữa XM mác 50 và xây gạch đặc vữa XM mác 50; dầm giằng móng BTCT đá 1x2 mác 200 đổ tại chỗ.

- Phần thân sử dụng hệ kết cấu khung BTCT chịu lực; cột, dầm, sàn BTCT đá 1x2 mác 200 đổ tại chỗ; tiết diện dầm điển hình: 220x350mm; 220x500mm; 220x300mm; tiết diện cột điển hình 220x300mm; 220x220mm; sàn BTCT điển hình dày 100mm; bàn thang BTCT dày 120mm.

c) Giải pháp cấp điện, chống sét:

- Hệ thống điện được lấy từ mạng lưới điện khu vực, kéo vào công trình bằng cáp loại Cu/XLPE/ PVC 4x16mm² đến tủ điện tổng tại tầng 1; dây dẫn trong phòng dùng dây Cu/PVC (2x1,5)mm²; Cu/PVC (2x2,5+E2,5)mm²; hệ thống dây dẫn điện đi ngầm trong tường, trần và luồn trong ống nhựa.

- Hệ thống chống sét trên mái công trình sử dụng kim thu sét thép $\phi 16$ dài 1000mm, dây dẫn sét thép $\phi 10$; hệ cọc tiếp địa bằng thép hình L63x63x6mm dài 2,4m; chôn sâu cách mặt đất 1,0m; dây tiếp địa bằng thép dẹt 30x4mm.

d) Giải pháp cấp thoát nước:

- Nước cấp cho công trình được lấy từ bể nước hiện có, sau đó bơm lên téc nước trên mái và cấp xuống thiết bị dùng nước tại các khu vệ sinh bằng ống PPR.

- Thoát nước thải từ xí, tiểu được thu vào hệ thống đường ống riêng qua bể tự hoại xử lý và thoát ra rãnh thoát nước chung; nước thải từ phễu sàn, lavabo được thu vào đường ống và thải trực tiếp ra rãnh thoát nước bên ngoài; ống thoát nước sử dụng ống nhựa PVC.

- Nước mưa trên mái được thu vào các ống đứng thoát nước PVC và thải ra rãnh thoát nước của công trình.

e) Hệ thống phòng cháy chữa cháy: Hệ thống phòng cháy chữa cháy cho hạng mục công trình được thiết kế bố trí gồm 03 bình PCCC được đặt trong các hộp đựng nhôm kính tại cầu thang các tầng; mỗi hộp PCCC bao gồm 2 bình bột chữa cháy xách tay MFZ4 và 1 bình chữa cháy xách tay bằng khí CO₂ MT3; ngoài ra trên tường của mỗi tầng còn bố trí 1 nội quy tiêu lệnh chữa cháy.

5. Địa điểm xây dựng: Xã Thiệu Thành, huyện Thiệu Hóa; xã Xuân Vinh, huyện Thọ Xuân; xã Yên Tâm, Yên Thịnh, Yên Giang, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

6. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

7. Tổng mức đầu tư: 11.292.729.000 đồng

Trong đó:

+ Chi phí xây dựng:	10.026.874.000 đồng;
+ Chi phí Quản lý dự án:	253.078.300 đồng;
+ Chi phí tư vấn DTXDCT:	338.005.923 đồng;
+ Chi phí khác:	137.021.962 đồng;
+ Chi phí dự phòng:	537.749.009 đồng.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

8. Nguồn vốn: Vốn vay Ngân hàng Thế giới và vốn đối ứng của tỉnh.

9. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

10. Thời gian thực hiện dự án: Hoàn thành trước năm 2017.

Điều 2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng Luật Xây dựng năm 2014; Luật Đấu thầu năm 2013 và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Nông nghiệp và PTNT, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- PCT Nguyễn Đức Quyền;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Phó Chánh VP Trần Huy Chân;
- Lưu: VT, KTTC.Phg.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Các công trình quy mô nhỏ phòng chống thiên tai Cụm II - Hợp phần 3: Quản lý rủi ro thiên tai
dựa vào công đồng tỉnh Thanh Hóa (Dự án quản lý thiên tai WB5)

(Kèm theo Quyết định số 13.770/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: đồng g

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	Gxd	$G_{xd1} + G_{xd2} + G_{xd3} + G_{xd4} + G_{xd5}$	10.026.874.000
1	Trường mầm non xã Thiệu Thành	Gxd1	Theo dự toán	2.197.291.000
	Phần xây dựng			1.910.408.000
	Phần điện + nước + PCCC			286.883.000
2	Hội trường xã Xuân Vinh	Gxd2	Theo dự toán	1.808.203.000
	Phần xây dựng			1.669.141.000
	Phần điện + nước + PCCC			139.062.000
3	Trung tâm y tế xã Yên Tâm	Gxd3	Theo dự toán	1.976.803.000
	Phần xây dựng			1.666.805.000
	Phần điện + nước + PCCC			309.998.000
4	Nhà hiệu bộ trường trung học cơ sở xã Yên Thịnh	Gxd4	Theo dự toán	1.872.701.000
	Phần xây dựng			1.645.746.000
	Phần điện + nước + PCCC			226.955.000
5	Nhà hiệu bộ trường trung học cơ sở xã Yên Giang	Gxd5	Theo dự toán	2.171.876.000
	Phần xây dựng			1.951.473.000
	Phần điện + nước + PCCC			220.403.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	Gqlđa	$(G_{XD})^{trước VAT} \times 2,524\%$	253.078.300
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	Gtv		338.005.923
1	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC		$G_{XD}^{trước VAT} \times 0,206\%$	20.655.360
2	Chi phí thẩm tra dự toán		$G_{XD}^{trước VAT} \times 0,200\%$	20.053.748
3	Chi phí lập HSMT & đánh giá HSDT xây lắp		$G_{XD}^{trước VAT} \times 0,337\%$	33.790.565
4	Chi phí giám sát thi công XD		$G_{XD}^{trước VAT} \times 2,628\%$	263.506.249
IV	CHI PHÍ KHIÁC	Gk		137.021.962
1	Chi phí bảo hiểm công trình (tỷ lệ % tạm tính)		$G_{XD}^{trước VAT} \times 0,300\%$	30.080.622
2	Lệ phí thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật		TMĐT $\times 0,019\%$	2.090.000
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán		$50\% \times TMĐT \times 0,258\%$	14.190.000
4	Chi phí kiểm toán		TMĐT $\times 0,426\%$	51.546.000
5	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu		$G_{XD}^{trước VAT} \times 0,100\%$	9.115.340
6	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN (Tạm tính)		Ấn bản số 2814/BXD-GD ngày 30/12	30.000.000
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	Gdp		537.749.009
1	Chi phí dự phòng cho KL phát sinh		$(I + II + III + IV + V) \times 5\%$	537.749.009
	TỔNG CỘNG			11.292.729.194
	LÀM TRÒN			11.292.729.000

Mười một tỷ, hai trăm chín hai triệu, bảy trăm hai chín nghìn đồng.